

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-PT
Ngày 28/3/2023
V/v "Tranh chấp về đòi lại tài
sản là di sản thừa kế"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Quy.

Các Thẩm phán: Bà Vương Thị Thu Hà, bà Hoàng Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28/3/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 02/2023/TLPT-DS ngày 13/02/2023 về việc "*Tranh chấp di sản thừa kế*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 30/12/2022 của Toà án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2023/QĐPT-DS ngày 13/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lệnh Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ thôn N, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Cao Xuân H - Luật sư, Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hà Giang; Địa chỉ đường P, tổ 7, phường Q, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang; có mặt.

Bị đơn: Ông Lệnh Hậu Đ, sinh năm 1958; địa chỉ thôn N, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Anh Lệnh Thế Đ1, sinh năm 1990; địa chỉ thôn N, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang (văn bản uỷ quyền ngày 28/5/2021); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Ngô Trung K - Luật sư, Văn phòng luật sư G thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hà Giang; Địa chỉ 283, đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lệnh Thế Đ2, sinh năm 1979; địa chỉ thôn N, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Người kháng cáo: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn tại cấp sơ thẩm, đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại cấp phúc thẩm ông Cao Xuân H; bị đơn ông Lệnh Hậu Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lệnh Thế Đ2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2020, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nguyên đơn chị Lệnh Thị T trình bày:

Năm 1979, ông Lệnh Hậu T1 và bà Lục Thị U do không có con đẻ nên đã đến nhận chị Lệnh Thị T (sinh ngày 03/01/1975 tại xã M, huyện V, tỉnh Hà Giang) làm con nuôi, khi đó chị Thúy được 4 tuổi. Đến năm 1994 khi chị T đi lấy chồng và sống riêng không chung sống cùng ông T1, bà U nữa. Tháng 02/2005, chị T ly hôn chồng rồi cùng con tiếp tục về sống cùng ông T1, bà U, đến tháng 10/2005 thì ông T1 làm nhà riêng cho chị trên đất của ông T1 để chị ở nuôi con (tại thôn N cách nhà ông T1, bà U 50m), trong thời gian từ năm 2005 đến 2010, chị T vẫn cùng ông T1, bà U sản xuất nông nghiệp trên đất của gia đình ông T1, bà U tại thôn N, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Năm 2009, ông T1 và bà U có viết di chúc để lại toàn bộ tài sản của ông T1, bà U cho chị T. Năm 2010, ông Lệnh Hậu T1 chết, khi đó chị T không có mặt tại địa phương, khi biết tin chị quay về để làm đám ma cho bố nuôi thì anh em nhà bố mẹ nuôi chị đuổi không cho chị T vào thắp hương và làm thủ tục gì, gồm có các chú thím và các con cháu trong đó có cả ông Lệnh Hậu Đ và anh Lệnh Thế Đ2 ngăn cản không cho chị vào đám và đuổi chị về. Thời gian sau khi ông T1 mất thì ông Đ đe dọa không cho chị T đến ở cùng và chăm sóc bà U nhưng bà U vẫn sang nhà chị T để lấy tiền nộp tiền điện, còn ăn uống thì bà U tự sinh hoạt đến năm 2015. Sau khi bà U chết, chị T không được canh tác trên đất của gia đình nên đã làm đơn đến Tòa án để yêu cầu ông Lệnh Hậu Đ trả lại khối tài sản theo di chúc mà ông T1, bà U đã để lại cho chị, bao gồm:

- Ngôi nhà sàn ba gian hai trái dựng trên diện tích đất có GCNQSD đất số AK 064412.

- Đất vườn rừng tại thôn N, thị trấn T, huyện Q diện tích 5.365m².

- Diện tích đất có GCNQSD đất số AK064412 gồm 08 thửa, tổng diện tích 958m²; địa chỉ thửa đất tại thôn N, thị trấn T, huyện Q.

- Diện tích đất có GCNQSD đất số AK064411 gồm 03 thửa đất LUK, tổng diện tích 577,3m².

- Diện tích đất có GCNQSD đất số AK064413 gồm 03 thửa đất LUK, tổng diện tích 537m².

- Diện tích đất có GCNQSD đất số AK064436 gồm 09 thửa đất LUK, tổng diện tích 2.267,4m².

- Diện tích đất có GCNQSD đất số AK064435 gồm 02 thửa đất LUK, tổng diện tích 823,8m².

- Diện tích đất có GCNQSD đất số AI 361071 đất LUA diện tích 128m².
- Diện tích đất có GCNQSD đất số AK064434 gồm 03 thửa đất LUK, tổng diện tích 239,9m².
- Diện tích đất có GCNQSD đất số AK064356 gồm 02 thửa đất (thửa 150 và 300 tờ bản đồ số 46, tổng diện tích 1139,9m²).

Ngoài ra, tại buổi tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại:

- Về ngôi nhà 3 gian: Ván bung, hiên buông.
- Cây xà dầm, cây dãi bằng tre
- Cột nhà cũ, công thợ lắp giáp, công trình xuống cấp,
- Chuồng trâu và chuồng lợn bị hư hỏng.

Tổng giá trị là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng).

Tổng thu thóc lúa 01 năm 76 bao = 28.000.000 đồng x 12 năm (không được sử dụng đất) = 336.000.000 đồng. Trừ chi phí sản xuất yêu cầu bồi thường 1/3 số tiền = 112.000.000 đồng.

Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bồi thường là 277.000.000 đồng.

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Lệnh Hậu Đ, người đại diện theo uỷ quyền anh Lệnh Thế Đ1 cùng trình bày:

Khi ông Lệnh Hậu T1 chết, gia đình ông Lệnh Hậu Đ là em ruột của ông Lệnh Hậu T1 đứng ra lo làm đám ma theo phong tục địa phương. Sau đó, bà Uởi được anh Lệnh Thế Đ2 là con trai của ông Lệnh Hậu Đ đến ở cùng và chăm sóc. Trong thời gian chăm sóc bà U, bà U đã lập di chúc ngày 01/10/2010 để lại tài sản cho anh Lệnh Thế Đ2. Hiện nay gia đình ông Lệnh Hậu Đ vẫn đang canh tác và sinh sống trên các diện tích đất mà nguyên đơn đã nêu ở trên. Ông Lệnh Hậu Đ không đồng ý đối với yêu cầu đòi trả lại đất của nguyên đơn về các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 064435 gồm 02 thửa đất 1100 và 1102 tổng diện tích 823,8m²; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 361071 thửa đất 1164 có diện tích 128,1m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 064434 gồm 03 thửa đất 1108,1109,1107 có tổng diện tích 239,9m² đều là có nguồn gốc là của bà Lương Thị L để lại, bà L là mẹ đẻ của ông và ông Lệnh Hậu T1, lý do ông đang quản lý các diện tích đất này là vì trước đây bà cụ L còn sống thì ở cùng ông T1, bà U nên diện tích đất này lúc bà L còn sống thì do ông T1, bà U quản lý, sau khi cụ L, ông T1, bà U chết thì ông tiếp tục quản lý những diện tích đất này. Những diện tích đất trên là di sản của bà L để lại không phải đất của ông Lệnh Hậu T1 và bà Lục Thị U. Còn các tài sản khác của ông T1, bà U để lại khác cũng không đồng ý trả lại cho chị T vì chị T không sống cùng và chăm sóc ông T1, bà U. Đề nghị không công nhận di chúc ngày 23/12/2009 vì đã có di chúc của bà Lục Thị U ngày 01/10/2010 thay thế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lệnh Thế Đ2 trình bày:

Khi ông Lệnh Hậu T1 mất, gia đình anh đứng ra tổ chức đám tang theo phong tục địa phương cho ông T1. Sau đó, anh nhận trách nhiệm chăm sóc bà Lục Thị U đến khi bà U chết. Khi chăm sóc bà U, bà U vẫn ở tại ngôi nhà cũ

của ông T1, bà U, khi nào ốm đau thì anh Đ2 mới đón bà sang nhà của anh Đ2. Về ngôi nhà của anh là xây dựng năm 2012 trên đất của bà Lương Thị L là bà nội của anh Đ2. Khi xây dựng ngôi nhà này anh đã báo với trưởng thôn. Hiện nay anh đi làm ăn xa, ngôi nhà và các diện tích đất đang tranh chấp đều do ông Lệnh Hậu Đ quản lý, sử dụng. Anh không nhất trí với yêu cầu đòi lại toàn bộ tài sản thừa kế của chị T vì trong thời gian chăm sóc bà U, bà đã lập lại di chúc và để lại toàn bộ tài sản của ông Lệnh Hậu T1 và bà Lục Thị U cho anh.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang đã căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Khoản 2 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 624, Điều 625, Điều 627, Điều 628, 630, 631, 632, 653 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Công nhận bản di chúc lập ngày 23/12/2009 của ông Lệnh Hậu T1 và Bà Lục Thị U được chứng thực tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang là hợp pháp.

1.2. Buộc ông Lệnh Hậu Đ trả lại cho chị Lệnh Thị T toàn bộ các diện tích đất đang sử dụng, gồm:

- Diện tích đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 185991, tổng diện tích 5.365m² địa chỉ thửa đất tại thôn N, thị trấn T, huyện Q.

- Diện tích đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK064412 gồm 08 thửa, tổng diện tích 958m² địa chỉ thửa đất tại thôn N, thị trấn T, huyện Q.

- Diện tích đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK064411 gồm 03 thửa đất LUK, tổng diện tích 577,3m².

- Diện tích đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK064413 gồm 03 thửa đất LUK, tổng diện tích 537m².

- Diện tích đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK064436 gồm 09 thửa đất LUK, tổng diện tích 2.267,4m².

- Diện tích đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK064435 gồm 02 thửa đất LUK, tổng diện tích 823,8m².

- Diện tích đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 361071 đất LUA diện tích 128m².

- Diện tích đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK064434 gồm 03 thửa đất LUK, tổng diện tích 239,9m².

1.3. Giao cho chị Lệnh Thị T quản lý, sử dụng các tài sản, cây cối, hoa màu có trên diện tích đất trong các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK064412; AK 064413; AK 064436; AK 064434; AI 361071; AK064411; AK 064435, gồm: 01 ngôi nhà chỉ còn là nhà trình tường dày 500mm, khung cột gỗ, mái fibro xi măng; 03 cây mơ (6-10cm), 08 cây chuối (to), 01 cây xoan (26-35cm), 02 cây bưởi (11-15cm), 01 cây mỡ (16-20cm), 01 cây vải (>30cm), 01 cây vải (2-4cm), 01 cây quýt (3-4cm), 03 cây ổi (6-10cm), 01 cây đào (11-25cm), 01 cây hồng (>3cm), 01 cây nhót (>20cm), 01 cây lê (>25cm).

1.4. Buộc anh Lệnh Thế Đ2 di dời tài sản xây dựng trái phép trên đất tại diện tích đất trong GCNQSD đất số AK 064435, tờ bản đồ số 55 do UBND huyện Q, tỉnh Hà Giang cấp cho hộ ông Lệnh Hậu T1 ngày 14/12/2006 để trả lại diện tích đất trên cho chị Lệnh Thị T.

2. Đình chỉ yêu cầu đòi lại di sản thừa kế là diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK064356.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về đòi bồi thường thiệt hại do bà T không thể canh tác, thu hoạch trên đất vườn, các cây ăn quả, đất ruộng từ khi bị chiếm giữ đến nay là 277.000.000đ

4. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về đề nghị công nhận Bản di chúc ngày 01/10/2010.

5. Về Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 10.000.000 đồng. Bị đơn ông Lệnh Hậu Đ phải chịu toàn bộ số tiền trên. Do số tiền trên Nguyên đơn đã tạm ứng toàn bộ chi phí vì vậy ông Đ phải trả lại cho chị Lệnh Thị T số tiền 10.000.000 đồng.

6. Về án phí: Chị Lệnh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 28.030.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 10.000.000 đồng, chị T đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang theo Biên lai thu số BB/2013/05062 ngày 09/12/2020.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/01/2023, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn là ông Cao Xuân H có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang. Cụ thể, kháng cáo phần án phí dân sự có giá ngạch tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 30/12/2022. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/01/2022, bị đơn ông Lệnh Hậu Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lệnh Thế Đ2 có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang. Cụ thể, ông Đ và anh Đ2 không nhất với quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm công nhận bản di chúc ngày 01/10/2010 là có hiệu lực, giao toàn bộ di sản thừa kế cho anh Lệnh Thế Đ2 quản lý, sử dụng, định đoạt.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn ông chị T, bị đơn ông Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đ2 giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, được phân công thụ lý

giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định về thủ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giao hồ sơ để Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại cấp sơ thẩm, xác định thiếu tư cách của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng để làm rõ nội dung vụ án. Toà án cấp sơ thẩm thu thập tài liệu, chứng cứ chưa đầy đủ, đánh giá chứng cứ còn chưa rõ ràng, cụ thể tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án còn mâu thuẫn mà chưa được làm rõ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 huỷ Bản án sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Về án phí: chị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn chị Lệnh Thị T, bị đơn ông Lệnh Hậu Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lệnh Thê Đ2 đều trong hạn luật định quy định tại Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự được Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp di sản thừa kế" là chưa chính xác. Bởi lẽ, theo đơn khởi kiện của chị Lệnh Thị T yêu cầu ông Lệnh Hậu Đ2 phải trả lại toàn bộ tài sản, ruộng đất cho chị T có nguồn gốc là của ông Lệnh Hậu T, bà Lục Thị U (bố mẹ nuôi) để lại di chúc cho chị T mà hiện nay ông Lệnh Hậu Đ (là em chú của ông T1) đang canh tác, sử dụng. Như vậy, cần xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp về đòi lại tài sản là di sản thừa kế*" mới phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lệnh Thị T về việc yêu cầu ông Lệnh Hậu Đ phải trả lại toàn bộ tài sản, ruộng đất cho chị T có nguồn gốc là của ông Lệnh Hậu T1, bà Lục Thị U (bố mẹ nuôi) để lại di chúc cho chị T mà hiện nay ông Lệnh Hậu Đ (là em trai ruột của ông T1) đang canh tác, sử dụng. Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Các đương sự trong vụ án đều xác nhận chị Lệnh Thị T là con nuôi của ông Lệnh Hậu T, bà Lục Thị U không có giấy tờ xác nhận, không được đăng ký vào sổ hộ tịch nhưng những người trong gia đình ông T1 như ông Đ, anh Đ1, anh Đ2, Biên bản họp gia đình về con nuôi ngày 25/7/2010 những người trong họ đều xác nhận trước đó ông T1, bà U do không có con đẻ nên đã nhận con nuôi là chị Lệnh Thị T. Giữa chị T và ông T1, bà U có quan hệ nuôi dưỡng, chăm sóc lẫn nhau. Toà án cấp sơ thẩm xác định chị Lệnh Thị T là con nuôi thực

tế của ông Lệnh Hậu T1 và bà Lục Thị U là có căn cứ.

[5] Nguyên đơn chị Lệnh Thị T yêu cầu ông Lệnh Hậu Đ phải trả lại toàn bộ tài sản, ruộng đất cho chị T có nguồn gốc là của ông Lệnh Hậu T1, bà Lục Thị U (bố mẹ nuôi) để lại di chúc cho chị T mà hiện nay ông Lệnh Hậu Đ (là em trai ruột của ông T1) đang canh tác, sử dụng. Do Toà án cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ pháp luật tranh chấp (như nhận định tại đoạn 2) nên đã chia di sản thừa kế, xác định bản di chúc do ông Lệnh Hậu T1 và bà Lục Thị U lập ngày 23/12/2009 có hiệu lực, không chấp nhận Bản di chúc lập ngày 01/10/2010 của bà Lục Thị U.

[6] Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/6/2022 (Bút lục số 171-176) của Toà án nhân dân huyện Q không mô tả chi tiết, không có mảnh trích đo địa chính từng thửa đất, không xác định cụ thể tài sản trên đất đối với từng thửa đất mà mô tả chung, dẫn đến việc ra quyết định tại Bản án sơ thẩm gây khó khăn cho việc thi hành bản án. Ngoài ra, theo yêu cầu khởi kiện của chị T có đề nghị giải quyết đối với diện tích đất rừng 5.365m² địa chỉ thửa đất tại thôn N, thị trấn T, huyện Q, nằm trong GCNQSDĐ số BO 185991 mang tên ông T1, bà U nhưng Toà án sơ thẩm không tiến hành thẩm định, định giá đối với diện tích đất này.

[7] Cũng tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/6/2022 thể hiện thửa đất số 150, tờ bản đồ 46, GCNQSDĐ số BO 184511 mang tên ông Lệnh Hậu T1, bà Lục Thị U, đã chuyển nhượng cho ông Hoàng Đức D; thửa đất 493, cùng tờ bản đồ 46, loại đất ở đô thị, tên chủ sử dụng đất Lệnh Thị L1. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm không làm rõ thửa đất 46 do ai chuyển nhượng, không yêu cầu đương sự cung cấp tài liệu chứng cứ, không xác minh tại sao bà L1 lại là người sử dụng thửa đất 493 và đưa bà L1, ông D vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[8] Tại buổi tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại: Về ngôi nhà 3 gian: Ván bưng, hiên buồng; cây xà dầm, cây dãi bằng tre; cột nhà cũ, công thợ lắp giáp, công trình xuống cấp; chuồng trâu và chuồng lợn bị hư hỏng. Tổng giá trị là 180.000.000 đồng. Tổng thu thóc lúa 01 năm 76 bao = 28.000.000 đồng x 12 năm (không được sử dụng đất) = 336.000.000 đồng. Trừ chi phí sản xuất yêu cầu bồi thường 1/3 số tiền = 112.000.000 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bồi thường là 277.000.000 đồng. Toà án cấp sơ thẩm không làm rõ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về đòi bồi thường thiệt hại làm mất quyền khởi kiện lại của đương sự. Ngoài ra, yêu cầu khởi kiện bổ sung này của chị T là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, vì các tài sản mà chị T yêu cầu bồi thường thiệt hại gắn liền với quyền sử dụng đất mà chị T đòi ông Đ trả lại.

[9] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có yêu cầu Toà án tuyên bố bản di chúc do ông Lệnh Hậu T1 và bà Lục Thị U lập ngày 23/12/2009 không có hiệu lực do chị T vi phạm nghĩa vụ của người được hưởng di chúc, công nhận di chúc của bà Lục Thị U lập ngày 01/10/2010 là hợp pháp. Đây là yêu cầu phản

tổ của bị đơn về việc chia di sản thừa kế nhưng không được Toà án cấp sơ thẩm thụ lý nhưng vẫn tiến hành giải quyết là không đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[10] Toà án cấp sơ thẩm không xác minh, thu thập chứng cứ để làm rõ trong 02 bản di chúc ông T1, bà U lập năm 2009 và bản di chúc do bà U lập năm 2010 thì bản di chúc nào có hiệu lực, tuyên bản di chúc do ông Lệnh Hậu T1 và bà Lục Thị U lập ngày 23/12/2009 có hiệu lực là chưa có căn cứ.

[11] Về án phí: Do xác định sai quan hệ pháp luật tranh chấp nên Toà án cấp sơ thẩm đã tính án phí buộc chị T phải chịu án phí theo giá trị di sản thừa kế mà chị T được hưởng, không đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[12] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án cấp sơ thẩm chưa thu thập, xác minh đầy đủ chứng cứ, chưa tiến hành đối chất để làm rõ nội dung vụ án, vi phạm các Điều 26, 68, 97, 100, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự dẫn đến việc giải quyết vụ án không có căn cứ, không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[13] Từ các căn cứ, nhận định nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy Toà án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng, không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng dẫn đến việc giải quyết vụ án không triệt để, chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ, những vi phạm của Toà án cấp sơ thẩm mà tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, để giải quyết toàn diện vụ án, đảm bảo chế độ hai cấp xét xử theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Tố tụng dân sự, cần thiết phải huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 30/12/2022 của Toà án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[14] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[14] Do huỷ án như đã nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chưa xem xét yêu cầu kháng cáo của chị Lệnh Thị T, ông Lệnh Hậu Đ, anh Lệnh Thế Đ2.

[15] Về án phí: Do huỷ án sơ thẩm nên chị Lệnh Thị T, ông Lệnh Hậu Đ, anh Lệnh Thế Đ2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Đương sự có kháng cáo được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo quy định tại khoản 3 Điều 29 và của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

2.1. Chị Lệnh Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 51BB-21P 0004531 ngày 13/01/2023.

2.2. Ông Lệnh Hậu Đ không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 5QBB-21P 0004532 ngày 19/01/2023.

2.3. Anh Lệnh Thế Đ2 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho anh Đ2 số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 51BB-21P 0004533 ngày 19/01/2023.

3. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- TAND huyện Q, tỉnh Hà Giang;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện Q, tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Đỗ Thị Kim Quy